

Số: **210** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **21** tháng **8** năm 2020

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Kiến trúc Xây dựng VN ASEAN và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 02/8/2020.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Kiến trúc Xây dựng VN ASEAN,

Mã số thuế: 4601297497

Địa chỉ: Ngõ 44, đường Việt Bắc, tổ 1, Ph. Tân Thịnh, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Kiểm định và thí nghiệm vật liệu xây dựng

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Thửa đất số 385, 386, 387 ngõ 44, đường Việt Bắc, tổ 1, Ph. Tân Thịnh, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 398**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp. / . **Đ**

Nơi nhận:

- Cty. Cổ phần Kiến trúc Xây dựng VN ASEAN;
- Sở XD Thái Nguyên;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 398

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: **210** /GCN-BXD, ngày **21** tháng **8** năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	THỬ NGHIỆM XI MĂNG	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030: 03
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016: 11
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017: 15
2	BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106:93
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :93
	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109 :93
	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110 :93
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113 :93
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115 :93
	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116 :93
	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118 :93
	Xác định giới hạn bền khi kéo uốn	TCVN 3119 :93
	3	CÓT LIỆU DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA
Xác định thành phần cỡ hạt; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước; Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn; Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hông; Xác định độ ẩm; XD HL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ; Xác định tạp chất hữu cơ; Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc; Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn; Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles); Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn; Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá; Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ; Xác định hàm lượng mica		TCVN 7572:2006
4	VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi; Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa; Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121:2003
5	ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:2012
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén đất, đá dăm trong phòng	TCVN 4201:2012 22TCN 333- 2006; 22TCN 59:1984
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006



STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012
6	BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm; Xác định thành phần hạt; Phương pháp xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông Nhựa ở trạng thái rời; Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đá đầm nén; Xác định độ chảy nhựa; Xác định độ góc cạnh của cát; Xác định hệ số độ chặt lu lèn; Phương pháp xác định độ rỗng dư và độ rỗng cốt liệu; Xác định độ rỗng cốt liệu; Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860:2011
7	NHỰA BITUM	
	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005
	Xác định lượng tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005
	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500: 2005
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
8	BỘT KHOÁNG TRONG BTN	
	Xác định thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Xác định khối lượng riêng; Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số hao nước; Xác định hàm lượng chất hoà tan trong nước; Xác định độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22TCN 58:1984
9	HIỆN TRƯỜNG	
	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao dai	TCVN 8729:2012; 22 TCN 02: 71; AASHTO T204
	Bê tông nặng – phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy.	TCVN 9334:2012
	Xác định độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006 TCVN 8730:2012 AASHTO-T191
	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
	XĐ môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
	Cọc - Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351:2012
	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12
10	KIM LOẠI VÀ MỐI HÀN KIM LOẠI	
	Thử kéo	TCVN 197 : 2014
	Thử uốn	TCVN 198 : 2008
	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401: 2010

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử nén dẹt	TCVN 5402: 2010
	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử kéo	TCVN 5403:2010
	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310: 10
	Thử nghiệm phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311: 10
11	GẠCH TERRAZO	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ hút nước bề mặt; Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
12	GẠCH XÂY	
	Xác định kích thước và khuyết tật; Xác định cường độ nén; Xác định cường độ uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng riêng; Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355:2009
13	GẠCH BÊ TÔNG	
	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ thấm nước; độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 6477:2016
14	GẠCH BÊ TÔNG NHẸ, GẠCH BÊ TÔNG BỌT	
	Kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích khô, độ co khô	TCVN 9030:2017
15	GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	K/tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ rỗng, độ hút nước; Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
16	NƯỚC XÂY DỰNG	
	Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4506:2012
	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011
	Xác định hàm lượng ion clorua Cl ⁻	TCVN 6194:96
	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:96
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88
17	THÍ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THẨM	
	Xác định độ dày danh định	TCVN 8220:09; ASTM D5199
	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	TCVN 8221:09; ASTM D5261
	Xác định độ dẫn nước	TCVN 8483:10; ASTM D 4716
	Xác định độ bền kháng thủng bằng phép thử rơi côn	TCVN 8484:10; BS 6906/6
	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	TCVN 8485:10; ASTM D4595
	Xác định kích thước lỗ lọc bằng phép thử sàng ướt	TCVN 8486:10; BS EN 12956
	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487:10; ASTM D4491
	Xác định cường độ kéo giật và độ giãn dài	TCVN 8871:11; ASTM D 4632:08
	Xác định sức kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:11; ASTM D 4833:07
	Khả năng chống xuyên (CBR) của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-3:11; ASTM D6241

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	ASTM D 4751:91; TCVN 8871-6:11
	Xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:11; ASTM D 3786:09
	Cường độ xé rách hình thang của vải địa kỹ thuật	ASTM D 1004-09; ASTM D4533 TCVN 8871-2:11

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

TCVN